

**GIAO KẾT HỢP ĐỒNG THEO QUY ĐỊNH BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015
DƯỚI GÓC NHÌN SO SÁNH VỚI NGUYÊN TẮC HỢP ĐỒNG
CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU**

Lê Thu Trang
Khoa Chính trị, Tâm lý và GDTC, Trường Đại học Hải Phòng
Email: tranglt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/3/2025

Ngày PB đánh giá: 09/4/2025

Ngày duyệt đăng: 09/7/2025

Tóm tắt: Bài viết nhằm phân tích và so sánh các quy định về giao kết hợp đồng trong pháp luật Việt Nam và các nguyên tắc hợp đồng chung của Liên minh Châu Âu (EU). Mục tiêu chính của bài viết là đánh giá mức độ tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống pháp luật, đồng thời đánh giá những ưu điểm và hạn chế của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này. Dựa trên kết quả phân tích, bài viết đề xuất một số hướng hoàn thiện cho pháp luật Việt Nam. Những đề xuất này nhằm nâng cao hiệu quả và tính minh bạch trong quá trình giao kết hợp đồng, đồng thời thúc đẩy sự hài hòa giữa pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế.

Từ khóa: Bộ luật dân sự, giao kết hợp đồng, PECL, đề nghị, chấp nhận giao kết.

**THE FORMATION OF CONTRACTS UNDER THE PROVISIONS
OF VIETNAM'S 2015 CIVIL CODE: A COMPARATIVE PERSPECTIVE
WITH THE PRINCIPLES OF EUROPEAN CONTRACT LAW**

Abstract: The article aims to analyze and compare the provisions on contract formation in Vietnamese law and the general contract principles of the European Union (EU). The primary objective is to assess the similarities and differences between the two legal systems, while also evaluating the strengths and weaknesses of Vietnamese law in this area. Based on the analysis, the article proposes several recommendations for improving Vietnamese legal system. These proposals are intended to enhance the efficiency and transparency of the contract formation process and promote harmonization between Vietnamese law and international standards.

Keywords: Civil code, contract formation, PECL, offer, acceptance.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, việc xây dựng một hệ thống

pháp luật về hợp đồng phù hợp với thông lệ quốc tế là điều cần thiết đối với Việt Nam. Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015) đã có những bước tiến quan

trọng trong việc quy định về giao kết hợp đồng, nhằm tạo ra một khung pháp lý rõ ràng và minh bạch cho các bên tham gia. Tuy nhiên, để đảm bảo tính tương thích và hội nhập với các hệ thống pháp luật tiên tiến, việc so sánh các quy định của BLDS 2015 với các nguyên tắc hợp đồng của Liên minh Châu Âu (EU) là cần thiết.

2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Việc nghiên cứu về giao kết hợp đồng theo quy định của BLDS năm 2015 dưới góc nhìn so sánh với các nguyên tắc hợp đồng của Liên minh Châu Âu (EU) đã thu hút sự quan tâm đáng kể trong giới học thuật và thực tiễn pháp lý. Các nghiên cứu tập trung vào việc so sánh các khía cạnh như đề nghị, chấp nhận đề nghị, nguyên tắc thiện chí và trung thực trong quá trình giao kết hợp đồng. Việc so sánh các quy định về giao kết hợp đồng trong BLDS năm 2015 với các nguyên tắc hợp đồng của EU giúp xác định những điểm tương đồng và khác biệt, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế

2.2. Cơ sở lý thuyết

Trong lĩnh vực giao kết hợp đồng đã tồn tại những học thuyết pháp lý khác nhau nhằm giải thích và điều chỉnh quá trình này. Tiêu biểu là các học thuyết

pháp lý sau: Học thuyết ý chí (Will Theory)⁽¹⁾, học thuyết này nhấn mạnh rằng hợp đồng là kết quả của sự thống nhất ý chí giữa các bên tham gia. Theo đó, việc xác định nội dung và hiệu lực của hợp đồng phải dựa trên ý định thực sự của các bên, ngay cả khi ngôn từ trong hợp đồng có thể không rõ ràng hoặc gây hiểu nhầm. Học thuyết thể hiện ý chí (Declaration Theory)⁽²⁾, trái ngược với học thuyết ý chí, học thuyết này cho rằng nội dung và hiệu lực của hợp đồng nên được xác định dựa trên cách thức mà ý chí được thể hiện ra bên ngoài, tức là ngôn từ và hành vi của các bên. Điều này nhằm bảo vệ sự tin cậy và tính chắc chắn trong giao dịch, tránh việc một bên viện dẫn ý định nội tâm để phủ nhận trách nhiệm đã cam kết. Học thuyết trung dung (Intermediate Theory)⁽³⁾, học thuyết này kết hợp cả hai quan điểm trên, cho rằng việc giải thích hợp đồng cần xem xét cả ý chí thực sự của các bên và cách thức thể hiện ý chí đó. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể, trọng số có thể nghiêng về một trong hai yếu tố để đảm bảo công bằng và hợp lý. Học thuyết trách nhiệm tiền hợp đồng (Culpa in Contrahendo)⁽⁴⁾ đề cập đến trách nhiệm của các bên trong giai đoạn đàm phán trước khi hợp đồng chính thức được ký kết. Theo đó, các bên phải hành xử trung thực và thiện chí, và có thể chịu trách nhiệm nếu gây thiệt hại cho bên kia

(1) Boris Starck (1989), *Droit Civil, Obligation*, 2. Contrat, Troisième édition, Litec, tr.4

(2) Novitski I. B. (1997), *Римское Право*, Nxb Knorus, Moskva, tr. 131

(3) Cherdantsev A. F. (2003), *Толкование права и договора*, nhà xuất bản Yuniti – daha, Moskva, tr. 366.

(4) <https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=143>. Truy cập ngày 01/04/2025

do vi phạm các nguyên tắc này. Nội dung các học thuyết trên cũng được lồng ghép thể hiện rõ qua những nguyên tắc cơ bản quy định về hợp đồng của BLDS năm 2015 của Việt Nam.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Phương pháp này liên quan đến việc thu thập, phân tích và tổng hợp các tài liệu pháp lý liên quan đến giao kết hợp đồng theo BLDS năm 2015 và các nguyên tắc hợp đồng của Liên minh Châu Âu. Việc này giúp hiểu rõ nội dung, phạm vi và mục tiêu của các quy định pháp luật trong cả hai hệ thống. Phương pháp so sánh pháp luật được sử dụng để so sánh các quy định về giao kết hợp đồng giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật Liên minh Châu Âu. Phương pháp phân tích trường hợp điển hình (case study): Phương pháp này liên quan đến việc phân tích các vụ việc cụ thể liên quan đến giao kết hợp đồng trong thực tiễn áp dụng pháp luật của Việt Nam và Liên minh Châu Âu. Việc này giúp minh

họa và làm rõ cách thức áp dụng các quy định pháp luật trong thực tế.

Việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu trên giúp đảm bảo tính khoa học và khách quan trong việc so sánh và đánh giá các quy định về giao kết hợp đồng giữa pháp luật Việt Nam và Liên minh Châu Âu, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát chung về giao kết hợp đồng

Hầu hết các quốc gia trên thế giới, dù thuộc hệ thống Common Law⁽⁵⁾ hay Civil Law⁽⁶⁾ đều công nhận giai đoạn giao kết hợp đồng (bao gồm hai bước cơ bản là đề nghị và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng).

Trong hệ thống pháp luật hợp đồng của Hoa Kỳ, giao kết hợp đồng được hiểu là “sự thể hiện ý chí đồng ý tham gia vào một giao kết, được thực hiện bởi bên đề nghị (offeror) đối với bên được đề nghị

(5) Common Law, hay còn gọi là Thông luật, là một hệ thống pháp luật dựa trên các án lệ, tức là các phán quyết của tòa án trong các vụ án cụ thể. Các án lệ được xem là nguồn luật quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật Common Law, và các tòa án trong hệ thống này có nghĩa vụ phải tuân theo các án lệ đã được xác lập. Hệ thống pháp luật Common Law bắt nguồn từ Anh, và sau đó được truyền bá sang các nước thuộc địa của Anh, bao gồm Hoa Kỳ, Canada, Úc, New Zealand, v.v. Hiện nay, hệ thống pháp luật Common Law được áp dụng ở khoảng 80 quốc gia trên thế giới. Link:

<https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/839F178-hd-viet-nam-theo-he-thong-phap-luat-nao-common-law-hay-civil-law.html>. (truy cập ngày 04/12/2024)

(6) Civil Law, hay còn gọi là Dân luật, là một hệ thống pháp luật dựa trên các văn bản pháp luật, bao gồm các bộ luật, luật lệ, nghị định, v.v. Các văn bản pháp luật này được xem là nguồn luật quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật Civil Law, và các tòa án trong hệ thống này có nghĩa vụ phải tuân theo các văn bản pháp luật đã được ban hành. Hệ thống pháp luật Civil Law bắt nguồn từ La Mã cổ đại, và sau đó được truyền bá sang các nước châu Âu lục địa, bao gồm Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, v.v. Hiện nay, hệ thống pháp luật Civil Law được áp dụng ở khoảng 70 quốc gia trên thế giới, bao gồm Việt Nam. Link: <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/839F178-hd-viet-nam-theo-he-thong-phap-luat-nao-common-law-hay-civil-law.html>. (truy cập ngày 04/12/2024)

(offeree), với điều kiện sự thể hiện ý chí đồng ý đó được thực hiện dưới hình thức một hành động cụ thể (lời hứa hoặc hành vi bởi bên được đề nghị)⁽⁷⁾.

Trong cả luật hợp đồng của Hoa Kỳ và Vương quốc Anh, một đề nghị không cần bao gồm tất cả các điều khoản cụ thể nhưng phải thể hiện rõ ràng ý định bị ràng buộc về mặt pháp lý. Tòa án có thể bổ sung các điều khoản không rõ ràng bằng cách tham khảo các thông lệ, tập quán thương mại trong quá khứ hoặc hành vi của các bên liên quan. Một đề nghị thường có thể hủy bỏ bất kỳ lúc nào trước khi được chấp nhận trừ khi có một “hợp đồng có quyền lựa chọn”. Hợp đồng quyền chọn có thể được hỗ trợ bởi sự xem xét, đảm bảo rằng đề nghị vẫn có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định. Ví dụ: trường hợp của *Routledge v. Grant* trong luật của Anh xác nhận nguyên tắc rằng lời hứa giữ nguyên một

đề nghị sẽ không mang tính ràng buộc trừ khi được hỗ trợ bởi sự xem xét, trong khi luật của Hoa Kỳ tuân theo các học thuyết tương tự theo “Bản tóm lược” (lần thứ hai) của Hợp đồng⁽⁸⁾

Đối với quy định của Anh, chấp nhận giao kết phải phù hợp với nội dung của đề nghị (mirror image rule)⁽⁹⁾. Tuy nhiên, quy tắc “battle of forms” trong luật hợp đồng Anh và Mỹ cho phép các bên đàm phán dựa trên các điều khoản được sửa đổi, miễn là không gây ra sự mâu thuẫn lớn. Hợp đồng có hiệu lực khi bên đề nghị nhận được sự chấp nhận (mailbox rule ở Mỹ quy định hợp đồng có hiệu lực khi thư chấp nhận được gửi đi).⁽¹⁰⁾

Trong khi đó, đối với một số nước thuộc hệ thống pháp luật Civil law như Pháp, Đức, Việt Nam, Nhật Bản thì đề nghị giao kết hợp đồng là sự thể hiện ý chí rõ ràng của một bên về việc thiết lập

(7) Dịch từ cách giải thích nguyên gốc trong Tiếng anh là “*It can be defined as an manifestation of assent to enter into a bargain, made by offeror to the offeree, conditional on a manifestation of assent in the form of some action (promise or performance) by the offeree*” trong cuốn *United States Contract Law* của E. Allan Farnworth, Juris Publishing, NXB Luật học quốc gia, 1999, trang 83.

(8) <https://www.justia.com/law-schools/justia-case-law-outlines/contracts-cases-outline/>.

Truy cập ngày 04/12/2024

(9) *Mirror Image Rule* được thiết lập trong án lệ *Hyde v. Wrench (1840)*, không được quy định cụ thể trong các điều luật thành văn vì pháp luật Anh dựa nhiều vào án lệ. Tuy nhiên, nguyên tắc này được xem là một phần quan trọng của luật hợp đồng thông qua tiền lệ xét xử. Án lệ *Hyde v. Wrench* khẳng định rằng nếu bên chấp nhận sửa đổi bất kỳ điều khoản nào của đề nghị, hành vi này không tạo ra sự chấp nhận mà thay vào đó là một **đề nghị đối ứng** (*counteroffer*)

(10) Theo luật Anh (như đã thấy trong vụ Adams kiện Lindsell (1818)) Vụ án **Adams v. Lindsell (1818)** là một vụ án nổi tiếng trong lịch sử pháp luật hợp đồng của Anh, xác định nguyên tắc “hộp thư” (postal rule). Vụ án được báo cáo trong tài liệu pháp lý gồm *1 B & Ald 681* (viết tắt của *Barnewall and Alderson's Reports*, một tập hợp các báo cáo pháp lý); *106 ER 250* (là số tham chiếu trong *English Reports*, một bộ sưu tập các báo cáo pháp lý của Anh.). Quy tắc về hộp thư quy định rằng hợp đồng được hình thành khi thư chấp nhận được đăng chứ không phải khi nó được nhận. Luật pháp Hoa Kỳ cũng áp dụng nguyên tắc này, công nhận hiệu lực của hợp đồng kể từ thời điểm chấp nhận được gửi đi, miễn là phương thức liên lạc này hợp lý và được mong đợi trong các trường hợp

quan hệ hợp đồng với bên kia. Đề nghị phải đầy đủ các điều khoản chính yếu của hợp đồng (ví dụ: đối tượng, giá cả, số lượng). Đề nghị có thể được rút lại trước khi bên kia nhận được⁽¹¹⁾. Quan điểm của các quốc gia này về việc chấp nhận giao kết hợp đồng khi phải đồng ý hoàn toàn với nội dung của đề nghị. Nếu có bất kỳ sự thay đổi hoặc bổ sung nào trong quá trình chấp nhận, điều này được coi là một đề nghị mới⁽¹²⁾.

3.2. Điểm tương đồng giữa giao kết hợp đồng trong Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015 và PECL

Giao kết hợp đồng là bước đầu tiên trong việc thiết lập các quan hệ pháp lý trong giao dịch dân sự. BLDS năm 2015 và PECL quy định tầm quan trọng của việc quy định về giao kết hợp đồng như một bước cần thiết để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và đồng nhất trong giao dịch. BLDS năm 2015 và PECL có những điểm tương đồng sau trong quy định về giao kết hợp đồng

Thứ nhất, nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng

Cả BLDS năm 2015 và PECL đều ghi nhận nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng như một nền tảng quan trọng trong pháp luật hợp đồng. Theo Điều 385⁽¹³⁾ BLDS năm 2015, các bên được tự do thỏa thuận trong việc xác lập quyền và

nghĩa vụ, miễn là không trái với điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội. Tương tự, PECL cũng quy định tại Điều 1:102⁽¹⁴⁾ rằng các bên có quyền tự do trong việc giao kết hợp đồng và xác định nội dung của hợp đồng, chỉ bị giới hạn bởi những quy định bắt buộc về trật tự công cộng. Nguyên tắc này thể hiện sự tôn trọng ý chí tự do của các chủ thể trong quan hệ dân sự và tạo cơ sở pháp lý cho sự linh hoạt trong giao dịch thương mại.

Thứ hai, cách thức giao kết hợp đồng thông qua đề nghị và chấp nhận

Cả hai văn bản pháp luật đều quy định hợp đồng được giao kết thông qua cơ chế đề nghị và chấp nhận. BLDS năm 2015 dành riêng các Điều 385 đến 393 để quy định chi tiết về quá trình này, trong đó hợp đồng được hình thành khi một bên đưa ra đề nghị giao kết và bên kia chấp nhận đề nghị đó. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị. Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên. PECL cũng có cách tiếp cận tương tự tại các Điều 2:201 đến

(11) Xem Điều 388 BLDS năm 2015

(12) Xem Điều 393 BLDS năm 2015

(13) Điều 385 BLDS năm 2015: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự.”

(14) Điều 1:102 của Bộ Nguyên tắc về Luật Hợp đồng Châu Âu (PECL)

1. Các bên có quyền tự do giao kết hợp đồng và xác định nội dung của hợp đồng, với điều kiện phải tuân thủ các yêu cầu về thiện chí, tính công bằng và các quy định bắt buộc khác.

2. Các bên có thể loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực của bất kỳ quy định nào trong PECL, trừ khi có quy định khác trong PECL

2:211⁽¹⁵⁾, quy định rõ ràng về các yếu tố cấu thành đề nghị giao kết hợp lệ và những điều kiện để chấp nhận có hiệu lực. Cả hai văn bản đều xem đây là phương thức phổ biến nhất để thiết lập mối quan hệ hợp đồng giữa các bên, đảm bảo sự rõ ràng và chắc chắn trong giao dịch.

Thứ ba, hiệu lực của đề nghị giao kết hợp đồng

Về hiệu lực của đề nghị giao kết hợp đồng, cả BLDS năm 2015 và PECL đều có những quy định tương đồng. BLDS năm 2015 quy định cụ thể tại các Điều 386 đến 388 về thời điểm có hiệu lực của đề nghị (khi đến bên được đề nghị), thời hạn hiệu lực (theo thời hạn đã xác định hoặc trong thời hạn hợp lý) và các trường hợp chấm dứt hiệu lực của đề nghị. Tương tự, PECL tại các Điều 2:202 và 2:203 cũng quy định về hiệu lực của đề nghị, khả năng rút lại đề nghị trước khi được chấp nhận và các điều kiện để đề nghị chấm dứt hiệu lực. Cả hai văn bản đều nhấn mạnh tính ràng buộc của đề nghị giao kết đối với bên đề nghị sau khi đề nghị đó có hiệu lực, trừ trường hợp đề nghị được rút lại một cách hợp lệ.

Thứ tư, chấp nhận đề nghị giao kết

Về vấn đề chấp nhận đề nghị giao kết, cả BLDS năm 2015 và PECL đều có những quy định chi tiết và tương đồng. BLDS năm 2015 từ Điều 389 đến 393 quy định về hình thức chấp nhận (có thể bằng văn bản, lời nói hoặc hành vi cụ thể), nội dung chấp nhận (phải phù hợp với đề nghị) và thời điểm chấp nhận có hiệu lực. PECL cũng có cách tiếp cận tương tự tại các Điều 2:204 đến 2:207⁽¹⁶⁾, quy định về cách thức chấp nhận, hiệu lực của chấp nhận và trường hợp chấp nhận có sửa đổi. Cả hai văn bản đều thừa nhận rằng chấp nhận phải đáp ứng các điều kiện về nội dung và thời hạn để có hiệu lực, và chấp nhận có sửa đổi về cơ bản được xem như một đề nghị mới.

Thứ năm, thời điểm giao kết hợp đồng

Cả hai văn bản pháp luật đều có quy định tương đồng về thời điểm giao kết hợp đồng. Theo Điều 400 BLDS năm 2015, thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận đề nghị, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc quy định khác. Tương tự, PECL tại Điều 2:205 cũng quy định hợp đồng được giao kết khi sự chấp nhận có hiệu lực, tức là khi chấp nhận đến được bên đề nghị. Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng, từ

(15) Điều 2:206: Thời hạn Chấp nhận (Time Limit for Acceptance)

Để có hiệu lực, sự chấp nhận một đề nghị phải đến được bên đề nghị trong thời hạn mà họ đã ấn định.

1. Nếu bên đề nghị không ấn định thời hạn, sự chấp nhận phải đến được họ trong một thời gian hợp lý.

2. Trong trường hợp chấp nhận bằng hành vi thực hiện theo Điều 2:205(3), hành vi đó phải

được thực hiện trong thời hạn chấp nhận mà bên đề nghị đã ấn định hoặc, nếu không có thời hạn như vậy, trong một thời gian hợp lý.

(16) Điều 2:204: Hủy bỏ Đề nghị (Revocation of Offer), Điều 2:205: Chấp nhận Đề nghị (Acceptance of Offer), Điều 2:206: Thời hạn Chấp nhận (Time Limit for Acceptance), Điều 2:207: Chấp nhận Muộn (Late Acceptance)

đó xác định quyền và nghĩa vụ của các bên, đặc biệt trong các giao dịch từ xa hoặc qua phương tiện điện tử.

Thứ sáu, hình thức của hợp đồng

Về hình thức của hợp đồng, cả BLDS năm 2015 và PECL đều ghi nhận nguyên tắc tự do về hình thức. Điều 119 BLDS năm 2015 quy định hợp đồng có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng về hình thức. Tương tự, PECL tại Điều 2:101⁽¹⁷⁾ cũng không đặt ra yêu cầu bắt buộc về hình thức, trừ khi có quy định khác. Nguyên tắc này tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch dân sự, đảm bảo sự linh hoạt và hiệu quả trong hoạt động thương mại, đồng thời phản ánh xu hướng hiện đại hóa pháp luật hợp đồng.

Thứ bảy, quy định về sự im lặng

Cả BLDS năm 2015 và PECL đều có quy định tương đồng về giá trị pháp lý của sự im lặng trong quá trình giao kết hợp đồng. Theo BLDS năm 2015, sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận trước⁽¹⁸⁾. Tương tự, PECL tại Điều 2:204 cũng quy định rằng sự im lặng

hoặc không hành động của bên nhận đề nghị không được coi là chấp nhận, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt. Quy định này nhằm bảo vệ quyền tự do ý chí của các bên, tránh tình trạng một bên phải gánh chịu nghĩa vụ hợp đồng mà không có sự đồng ý rõ ràng.

3.3. Điểm khác biệt về giao kết hợp đồng giữa Bộ luật dân sự năm 2015 và PECL

Thứ nhất, về nguyên tắc giao kết hợp đồng

BLDS năm 2015 quy định tại Điều 3 khoản 2: “*Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận.*” Tuy nhiên, sự tự do này luôn đi kèm với giới hạn về đạo đức xã hội theo Điều 123 khoản 1: “*Giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.*”

Trong khi đó, PECL tại Điều 1:102 quy định: “*Các bên được tự do tham gia vào hợp đồng và xác định nội dung của nó, tuân theo các yêu cầu của thiện chí, giao dịch công bằng và các quy tắc bắt buộc được thiết lập theo Nguyên tắc này.*” PECL không đề cập trực tiếp đến “đạo đức xã hội” mà sử dụng khái niệm “thiện

(17) Điều 2:101: Hình thành Hợp đồng (Formation of Contract) trong Bộ Nguyên tắc về Luật Hợp đồng Châu Âu (PECL) quy định như sau:

1. Sự thỏa thuận và ý định ràng buộc pháp lý: Hợp đồng được hình thành nếu các bên có ý định bị ràng buộc về mặt pháp lý và đạt được sự thỏa thuận đủ về các điều khoản.
2. Tự do về hình thức: Hợp đồng không bắt buộc phải được lập thành văn bản hoặc tuân theo

bất kỳ yêu cầu hình thức nào khác. Các bên có thể chứng minh sự tồn tại và nội dung của hợp đồng bằng bất kỳ phương tiện nào, kể cả bằng lời khai của nhân chứng.

(18) Khoản 2 Điều 400 BLDS năm 2015 “...2. Trường hợp các bên có thỏa thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng trong một thời hạn thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm cuối cùng của thời hạn đó...”

chí” (good faith) và “giao dịch công bằng” (fair dealing), tạo ra sự khác biệt về cách tiếp cận triết lý pháp lý.

Thứ hai, về hình thức giao kết hợp đồng

BLDS năm 2015 quy định tại Điều 119 khoản 1: “*Hợp đồng có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.*” Tuy nhiên, tại Điều 119 lại quy định những trường hợp bắt buộc phải có hình thức văn bản: “*Giao dịch dân sự phải được lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực trong trường hợp pháp luật có quy định.*”

PECL tại Điều 2:101(2) quy định: “*Hợp đồng không cần phải được kết luận hay chứng minh bằng văn bản và không phải tuân theo bất kỳ yêu cầu nào khác về hình thức.*” Điều 1:301(6) của PECL còn định nghĩa rõ “văn bản” bao gồm cả thông tin điện tử: “*Văn bản bao gồm bất kỳ phương thức truyền thông nào có thể cung cấp một bản ghi có thể đọc được của thông tin có trong đó.*” Điều này cho thấy PECL linh hoạt hơn, phù hợp với xu hướng thương mại điện tử.

Thứ ba, về chào hàng (mời đề nghị) và đề nghị giao kết hợp đồng

BLDS năm 2015 quy định về “đề nghị giao kết hợp đồng” tại Điều 386: “*Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng.*” Tuy nhiên, về “Mời đề

ngợi” (chào hàng) không được quy định cụ thể trong BLDS năm 2015.

Trong PECL tại Điều 2:201(3) quy định: “*Đề xuất cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ với giá cả cụ thể được đưa ra bởi một chuyên gia thương mại trong catalog, quảng cáo hoặc trưng bày hàng hóa sẽ được coi là đề nghị bán hoặc cung cấp với giá đó cho đến khi hết hàng hoặc khả năng cung cấp dịch vụ của chuyên gia thương mại hoặc nhà cung cấp dịch vụ.* Như vậy, PECL phân biệt rõ giữa “offer” và “invitation to treat”. Mời chào là hành vi mời gọi bên khác đưa ra đề nghị, nhưng không thể hiện ý định bị ràng buộc ngay lập tức. Ví dụ, quảng cáo hoặc trưng bày hàng hóa được coi là mời chào, không phải là đề nghị theo nghĩa pháp lý. Điều này tạo ra sự khác biệt cơ bản khi PECL coi quảng cáo với giá cụ thể là đề nghị giao kết hợp đồng, còn BLDS năm 2015 chỉ coi đó mang giá trị như một là mời đề nghị.

Thứ tư, về thời điểm giao kết hợp đồng

Tuy có những sự tương đồng quy định về thời điểm giao kết hợp đồng nhưng hai văn bản cũng có sự khác biệt. Trong BLDS năm 2015, hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết (Điều 400) và hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết (Điều 401). Đối với quảng cáo, trưng bày hàng hóa được coi là “mời đề nghị”, không phải đề nghị giao kết hợp đồng. Do đó, khi khách hàng đặt mua hàng từ quảng cáo, đây mới là “đề nghị giao kết”, và hợp đồng chỉ được giao kết khi bên bán chấp nhận đề nghị này.

Trường hợp im lặng không được coi là chấp nhận giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên. Theo PECL, hợp đồng được giao kết khi lời chấp nhận của bên nhận đề nghị có hiệu lực (Điều 2:205). Đối với quảng cáo, catalog có giá cụ thể: được coi là “đề nghị giao kết hợp đồng”. Do đó, khi khách hàng chấp nhận mua hàng theo giá đã niêm yết, hợp đồng được xem là đã giao kết ngay tại thời điểm này. Về hiệu lực của lời chấp nhận: Lời chấp nhận có hiệu lực khi đến được bên đề nghị (Điều 2:205(1)⁽¹⁹⁾). Như vậy, đối với PECL, việc giao kết hợp đồng có thể xảy ra sớm hơn trong trường hợp quảng cáo, niêm yết giá, vì khách hàng chỉ cần “chấp nhận” là đã có hợp đồng. Theo BLDS Việt Nam, quá trình giao kết hợp đồng qua quảng cáo thường dài hơn, vì phải trải qua thêm bước: quảng cáo (mời đề nghị) → khách hàng đề nghị → bên bán chấp nhận → hợp đồng được giao kết. Sự khác biệt này ảnh hưởng trực tiếp đến trách nhiệm pháp lý của các bên, đặc biệt là trong thương mại điện tử và giao dịch trực tuyến, khi xác định thời điểm hợp đồng có hiệu lực và trách nhiệm giao hàng đúng giá niêm yết

Thứ năm, về hiệu lực của hợp đồng

BLDS 2015 quy định tại Điều 401: “Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác.” Trường hợp luật quy định hợp

đồng có công chứng, chứng thực, đăng ký hoặc phải xin phép thì phải tuân theo quy định đó⁽²⁰⁾. Trường hợp giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức mà luật quy định thì vô hiệu theo Điều 129 BLDS năm 2015. Như vậy, nếu hợp đồng thuộc trường hợp bắt buộc phải công chứng, chứng thực hoặc đăng ký theo quy định của pháp luật (ví dụ: hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất), thì hợp đồng đó phải tuân thủ các yêu cầu này, nếu không có thể bị tuyên bố vô hiệu.

PECL không có yêu cầu về công chứng hay đăng ký, tại Điều 2:101(1) chỉ quy định: “Hợp đồng được giao kết nếu: (a) các bên có ý định ràng buộc về mặt pháp lý và (b) đạt được sự thỏa thuận đầy đủ.” Điều này phản ánh cách tiếp cận của PECL thiên về sự tự do và đơn giản hóa thủ tục.

Thứ sáu, về hợp đồng theo mẫu

BLDS 2015 có quy định riêng về hợp đồng theo mẫu tại Điều 405: “Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu được đề nghị.” Tại Điều 406 còn quy định: “Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó.”

(19) Điều 2:205(1) của PECL “Acceptance becomes effective when the indication of assent reaches the offeror.” Tạm dịch: “Lời

chấp nhận có hiệu lực khi sự thể hiện về việc đồng ý đến được bên đề nghị”.

(20) Điều 119 BLDS năm 2015

PECL không có quy định riêng về hợp đồng mẫu nhưng có quy định về điều khoản không công bằng tại Điều 4:110: “*Một điều khoản không được đàm phán riêng rẽ sẽ bị vô hiệu nếu nó gây ra sự mất cân bằng đáng kể về quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh theo hợp đồng, gây bất lợi cho một bên.*” Cách tiếp cận này của PECL đảm bảo công bằng cho các bên mà không nhất thiết phải quy định cụ thể về loại hợp đồng.

3.4. Hướng hoàn thiện cho pháp luật Việt Nam về giao kết hợp đồng từ góc nhìn so sánh với PECL

3.4.1. Những vấn đề cần bổ sung cho pháp luật Việt Nam quy định về giao kết hợp đồng

Thứ nhất, làm rõ quy định về quảng cáo và đề nghị giao kết hợp đồng

Theo quy định tại Điều 386⁽²¹⁾ BLDS năm 2015 thì thông tin về hàng hóa, dịch vụ, giá cả được đăng trên phương tiện thông tin đại chúng không được coi là đề nghị giao kết hợp đồng mà được xem là “mời đề nghị giao kết hợp đồng”. Cách tiếp cận này khác biệt so với PECL tại Điều 2:201(3). Theo đó, đề xuất cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ với giá cả cụ thể được đưa ra bởi một chuyên gia

thương mại trong catalog, quảng cáo hoặc trưng bày hàng hóa sẽ được coi là đề nghị bán hoặc cung cấp với giá đó cho đến khi hết hàng hoặc khả năng cung cấp dịch vụ của chuyên gia thương mại hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Việc xem xét lại quy định tại Điều 386 BLDS năm 2015 theo hướng tiếp cận của PECL có thể giúp nâng cao trách nhiệm pháp lý của thương nhân khi đưa ra thông tin quảng cáo, đồng thời tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông qua việc cho phép họ yêu cầu thực hiện đúng như nội dung quảng cáo đã được công bố.

Thứ hai, bổ sung quy định về lý do khách quan trong trường hợp chấp nhận muộn

Khoản 2 Điều 394⁽²²⁾ của BLDS năm 2015 quy định trường hợp thông báo chấp nhận giao kết hợp đồng đến chậm vì lý do khách quan. Đây là một quy định không rõ ràng, mơ hồ, rất khó trong chứng minh nên tìm ẩn sự rủi ro. Trong Quy định của PECL.

Điều 2:206(2) PECL quy định: Nếu chấp nhận đến muộn vì sự chậm trễ trong việc truyền tải (delay in transmission) mà không phải lỗi của bên được đề nghị, chấp nhận vẫn có hiệu lực như bình thường, trừ khi bên đề nghị thông báo ngay lập tức

(21) Điều 386. Đề nghị giao kết hợp đồng

1. Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng (sau đây gọi chung là bên được đề nghị).

2. Trường hợp đề nghị giao kết hợp đồng có nêu rõ thời hạn trả lời, nếu bên đề nghị lại giao kết hợp đồng với người thứ ba trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời thì phải bồi thường thiệt

hại cho bên được đề nghị mà không được giao kết hợp đồng nếu có thiệt hại phát sinh.

(22) Khoản 2 Điều 394 BLDS năm 2015: “Trường hợp thông báo chấp nhận giao kết hợp đồng đến chậm vì lý do khách quan mà bên đề nghị biết hoặc phải biết về lý do khách quan này thì thông báo chấp nhận giao kết hợp đồng vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp bên đề nghị trả lời ngay không đồng ý với chấp nhận đó của bên được đề nghị”

rằng họ coi đề nghị đã hết hiệu lực. Vì vậy, BLDS cần xem xét bổ sung những lý do được coi là chính đáng ví dụ như: Sự cố kỹ thuật trong hệ thống truyền thông (như lỗi hệ thống email, sự cố mạng) không do lỗi của bên được đề nghị; Sự cố vận chuyển hoặc bưu chính (như chậm trễ do dịch vụ bưu điện hoặc bên thứ ba); Thiên tai, dịch bệnh, hoặc các sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật; Các sự kiện pháp lý hoặc hành chính ngoài ý chí của bên được đề nghị (như kiểm duyệt, phong tỏa tạm thời). Việc quy định trên sẽ tăng tính minh bạch, giảm thiểu được tranh chấp, tạo sự công bằng và đặc biệt là phù hợp được với thông lệ quốc tế.

Thứ tư, bổ sung quy định về nguyên tắc thiện chí trong giao kết hợp đồng

BLDS 2015 đã đề cập đến nguyên tắc thiện chí, nhưng chưa cụ thể hóa trong giai đoạn giao kết hợp đồng. Nên bổ sung quy định về: Nghĩa vụ cung cấp thông tin thiết yếu trước khi giao kết; Trách nhiệm bồi thường khi đàm phán không thiện chí; Nghĩa vụ bảo mật thông tin trong quá trình đàm phán.

Thứ năm, bổ sung quy định về xử lý xung đột giữa điều khoản mẫu

BLDS năm 2015 có quy định về “hợp đồng theo mẫu” tại Điều 405 nhưng chưa có nội dung quy định về “điều khoản mẫu”. Trường hợp cả hai bên đều sử dụng điều khoản mẫu của mình và có xung đột giữa các điều khoản này (Battle of Forms) hoàn toàn có thể xảy ra trong thực tiễn đặc biệt là trong giao dịch quốc tế. BLDS năm 2015 chưa có quy định cụ thể về cách giải quyết

tình huống này khi không rõ điều khoản của bên nào sẽ được áp dụng; không có thỏa thuận rõ ràng về việc loại trừ điều khoản của bên nào. Trong trường hợp này, giải pháp có thể áp dụng theo thông lệ quốc tế (như PECL Điều 2:209) là xác định các điều khoản có nội dung chung sẽ được áp dụng, còn các điều khoản mâu thuẫn sẽ bị loại trừ hoặc được giải thích theo nguyên tắc ưu tiên điều khoản của bên gửi xác nhận sau cùng (last shot rule) hoặc loại bỏ cả hai điều khoản mâu thuẫn (knock-out rule).

Thứ sáu, cụ thể hóa quy định về thay đổi hoàn cảnh sau khi giao kết

Nên bổ sung quy định chi tiết về quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng khi có thay đổi hoàn cảnh lớn ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng, tương tự như quy định tại Điều 6:111 của PECL. Đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động nhanh và sâu như hiện nay, quy định này sẽ giúp các bên ứng phó với rủi ro phát sinh.

3.4.2. Hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam quy định về giao kết hợp đồng

Từ việc phân tích những điểm khác biệt giữa BLDS 2015 và PECL, có thể đề xuất các hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giao kết hợp đồng như sau:

Thứ nhất, đơn giản hóa thủ tục giao kết hợp đồng

BLDS năm 2015 và các luật liên quan yêu cầu công chứng, chứng thực, đăng ký hợp đồng trong nhiều trường hợp, điển hình như: Hợp đồng liên quan đến bất động sản (Điều 502 BLDS năm 2015,

Điều 167 Luật Đất đai 2013); Hợp đồng thế chấp tài sản (Điều 317 BLDS năm 2015); Hợp đồng tặng cho tài sản có đăng ký quyền sở hữu (Điều 459 BLDS năm 2015); Hợp đồng ủy quyền trong một số trường hợp (Điều 562 BLDS năm 2015)...Những quy định này nhằm đảm bảo tính minh bạch, an toàn pháp lý nhưng lại làm phát sinh nhiều thủ tục phức tạp, gây tốn kém thời gian và chi phí.

Việc đơn giản hóa thủ tục giao kết hợp đồng là cần thiết để giảm chi phí, tăng tốc độ giao dịch và hỗ trợ doanh nghiệp. Cần cân nhắc giữ lại yêu cầu công chứng, chứng thực đối với các hợp đồng có giá trị lớn và rủi ro cao, đồng thời mở rộng áp dụng hợp đồng điện tử và chữ ký số để thay thế các thủ tục truyền thống.

Thứ hai, cải thiện quy định về hợp đồng theo mẫu

Mặc dù BLDS 2015 đã có quy định về hợp đồng theo mẫu tại Điều 405, 406, nhưng cần bổ sung thêm các quy định chi tiết về:

- Nguyên tắc minh bạch trong soạn thảo điều khoản mẫu
- Danh mục các điều khoản bị cấm trong hợp đồng mẫu
- Tiêu chí xác định điều khoản không công bằng
- Cơ chế giám sát và kiểm soát hợp đồng mẫu

Có thể tham khảo cách tiếp cận của PECL tại Điều 4:110 về việc đánh giá tính công bằng của các điều khoản không được đàm phán riêng.

Thứ ba, hài hòa hóa pháp luật hợp đồng với thông lệ quốc tế

Xem xét các cách tiếp cận của PECL để hài hòa hóa pháp luật Việt Nam với thông lệ quốc tế, đặc biệt là các quy định liên quan đến:

- Thời điểm giao kết hợp đồng
- Hiệu lực của chấp nhận
- Điều khoản loại trừ và giới hạn trách nhiệm
- Quy định về vi phạm hợp đồng có thể dự đoán trước

Việc hài hòa hóa này sẽ tạo thuận lợi cho các giao dịch xuyên biên giới, thu hút đầu tư nước ngoài và tăng cường vị thế của Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Những đề xuất trên cần được xem xét trong tổng thể hệ thống pháp luật Việt Nam, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội và truyền thống pháp lý của đất nước, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những ưu điểm của các hệ thống pháp luật tiên tiến trên thế giới như PECL.

4. Kết luận

Giao kết hợp đồng theo quy định của BLDS năm 2015 và Bộ Nguyên tắc của Luật Hợp đồng Châu Âu (PECL) đều hướng đến mục tiêu xây dựng một khuôn khổ pháp lý minh bạch, công bằng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia giao dịch. Tuy nhiên, từ góc độ so sánh, mỗi hệ thống pháp luật thể hiện những điểm tương đồng và khác biệt, phản ánh các giá trị pháp lý và đặc thù văn hóa pháp lý riêng. Những khác biệt này không chỉ phản ánh sự khác nhau về truyền thống pháp luật mà còn đặt ra những bài học hữu ích cho việc tiếp cận, cải thiện pháp luật hợp đồng tại Việt

Nam. Hướng tới hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu các chuẩn mực như PECL sẽ là cơ sở quan trọng để hoàn thiện quy định pháp luật trong nước, đặc biệt khi đối mặt với các vấn đề phức tạp như hợp đồng thương mại quốc tế.

Tóm lại, việc so sánh BLDS năm 2015 với PECL không chỉ giúp hiểu rõ hơn về pháp luật Việt Nam mà còn mở ra cơ hội để điều chỉnh và phát triển các quy định hợp đồng theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn hội nhập kinh tế thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cherdantsev, A. F. (2003), *Interpretation of Law and Contract*, Yuniti - Daha.

2. Court of Chancery (1840), *Hyde v. Wrench*, 3 Beav 334, 49 ER 132.

3. Court of King's Bench (1818), *Adams v. Lindsell*, 1 B & Ald 681, 106 ER 250.

4. Farnsworth E. A (1999), *United States contract law*, Juris Publishing.

5. Justia. (n.d.), *Contracts cases outline*, <https://www.justia.com/law-schools/justia-case-law-outlines/contracts-cases-outline>.

6. Liên minh Châu Âu (1999, 2003), *Bộ nguyên tắc về hợp đồng của Liên minh Châu Âu* (Principles of European Contract Law) (Phần I, II, & III).

7. Novitski, I. B. (1997), *Roman Law*, (Luật La Mã), Knorus.

8. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ Luật dân sự.

9. Starck B (1989), *Droit civil, obligation*, 2, Contrat (Ấn bản thứ 3), Litec.

10. Kiều Thị Thùy Linh (2015), *Nghĩa vụ tiền hợp đồng trong hợp đồng dịch vụ của Nguyên tắc luật Châu Âu (PEL SC) và bài học kinh nghiệm trong việc hoàn thiện quy định pháp luật ở Việt Nam*, <https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xa-y-dung-phap-luat.aspx?ItemID=143>.

11. Thư Viện Pháp Luật, (2024), *Việt Nam theo hệ thống pháp luật nào: Common law hay civil law?*, <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/839F178-hd-viet-nam-theo-he-thong-phap-luat-nao-common-law-hay-civil-law.html>.